

VĨ MÔ VÀ CHIẾN LƯỢC

Kiểm định ngưỡng 1.700–1.750: Kỳ vọng hồi phục có chọn lọc

Công ty cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)

Trần Thị Ngọc Hòa

hoa.ttn@miraeasset.com.vn

[Tóm tắt]

Thế giới

- Mặc dù Tổng thống Trump đã gia hạn thời hạn tấn công vào cơ sở hạ tầng của Iran đến ngày 6/4, việc đóng cửa eo biển Hormuz tiếp tục làm gây lo ngại về tình trạng đình lạm toàn cầu.

Việt Nam

• Tiêu điểm tuần:

- **482/QĐ-TTg: Giảm thuế bảo vệ môi trường, thuế giá trị gia tăng, thuế tiêu thụ đặc biệt đối với xăng, dầu và nhiên liệu bay về 0**, đến hết 15/4/2026
- **Bộ Tài chính đề xuất miễn thuế xăng dầu (từ 16/4/2026 đến hết 30/6/2026)**
- Ngày 29/3, Thủ tướng đã tới làm việc và **khảo sát địa điểm dự kiến xây dựng kho dự trữ xăng dầu chiến lược tại Khu kinh tế Nghi Sơn**
- Các cơ quan quản lý và doanh nghiệp đã cùng rà soát toàn diện để **đánh giá khả năng triển khai xăng sinh học E10 sớm hơn lộ trình chính thức.**
- **Áp lực tỷ giá tiếp tục gia tăng:** Tính đến 27/3, thị trường tự do (27.945; +0,79% WoW; +4,33% YTD), trong khi tỷ giá bán tại VCB (26.355; +0,06% WoW; -0,08% YTD) đều tăng so với tuần trước. Ngày 24/3, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quyết định bán ngoại tệ thông qua hợp đồng kỳ hạn.
- **VN-Index: 1.672,8 điểm (+1,5% WoW). Thanh khoản giảm nhẹ và ở mức thấp nhất trong 5 tuần:** GTGD bình quân 20,4 nghìn tỷ đồng/ngày (-10% WoW).
- **Triển vọng thị trường trong ngắn hạn:**
 - **Thị trường kỳ vọng duy trì đà hồi phục và kiểm định ngưỡng kháng cự 1700–1750**, nhờ vào: 1) Định giá VN-Index hấp dẫn so với mức trung bình dài hạn, đi kèm triển vọng lợi nhuận 2026 lạc quan, với một số công ty vốn hóa lớn trình ĐHCĐ kế hoạch kinh doanh năm 2026 tích cực; 2) Thanh khoản tiếp tục suy giảm cho thấy lực bán yếu.
 - **Ngưỡng hỗ trợ tại vùng 1.600 điểm, với các biến động tin tức liên quan đến cuộc chiến ở Trung Đông có thể khiến thị trường biến động mạnh.**
- **Định giá:** P/E VN-Index ở mức 15,1x (chiết khấu so với mức P/E trung bình 10 năm: 17x).

① Bối cảnh toàn cầu

Quốc gia	Chỉ số	Giá đóng cửa	%WoW
Việt Nam	VNINDEX	1,672.8	1.5
Mỹ	SPX	6,368.9	-2.1
Canada	TSX	31,960.7	2.1
Nhật	NKY	53,373.1	0.0
Trung Quốc	SHCOMP	3,913.7	-1.1
Hồng Kông	Hang Seng	24,951.9	-1.3
Đài Loan	TWSE	33,112.6	-1.3
Hàn Quốc	KOSPI	5,438.9	-5.9
Ấn Độ	SENSEX	73,583.2	-1.3
Indonesia	JCI	7,097.1	-0.1
Thái Lan	SET	1,447.1	1.0
Singapore	STI	4,898.2	-1.0
Malaysia	FBMKLCI	1,712.7	-0.5
Philippines	PSEi	5,972.8	-0.8
UK	FTSE 100	9,967.4	0.5
Pháp	CAC 40	7,702.0	0.5
Đức	DAX	22,300.8	-0.4
Nga	MOEX	2,854.1	-2.6
Úc	ASX 200	8,516.3	1.0
New Zealand	NZX 50	12,935.4	-0.4

Khu vực đồng Euro

Niềm tin người tiêu dùng tháng 3 giảm 4 điểm so với tháng trước xuống -16,3, mức thấp nhất kể từ tháng 10/2023, thấp hơn so với dự báo -14,4, phản ánh lo ngại gia tăng về triển vọng kinh tế, trong bối cảnh căng thẳng ở Trung Đông.

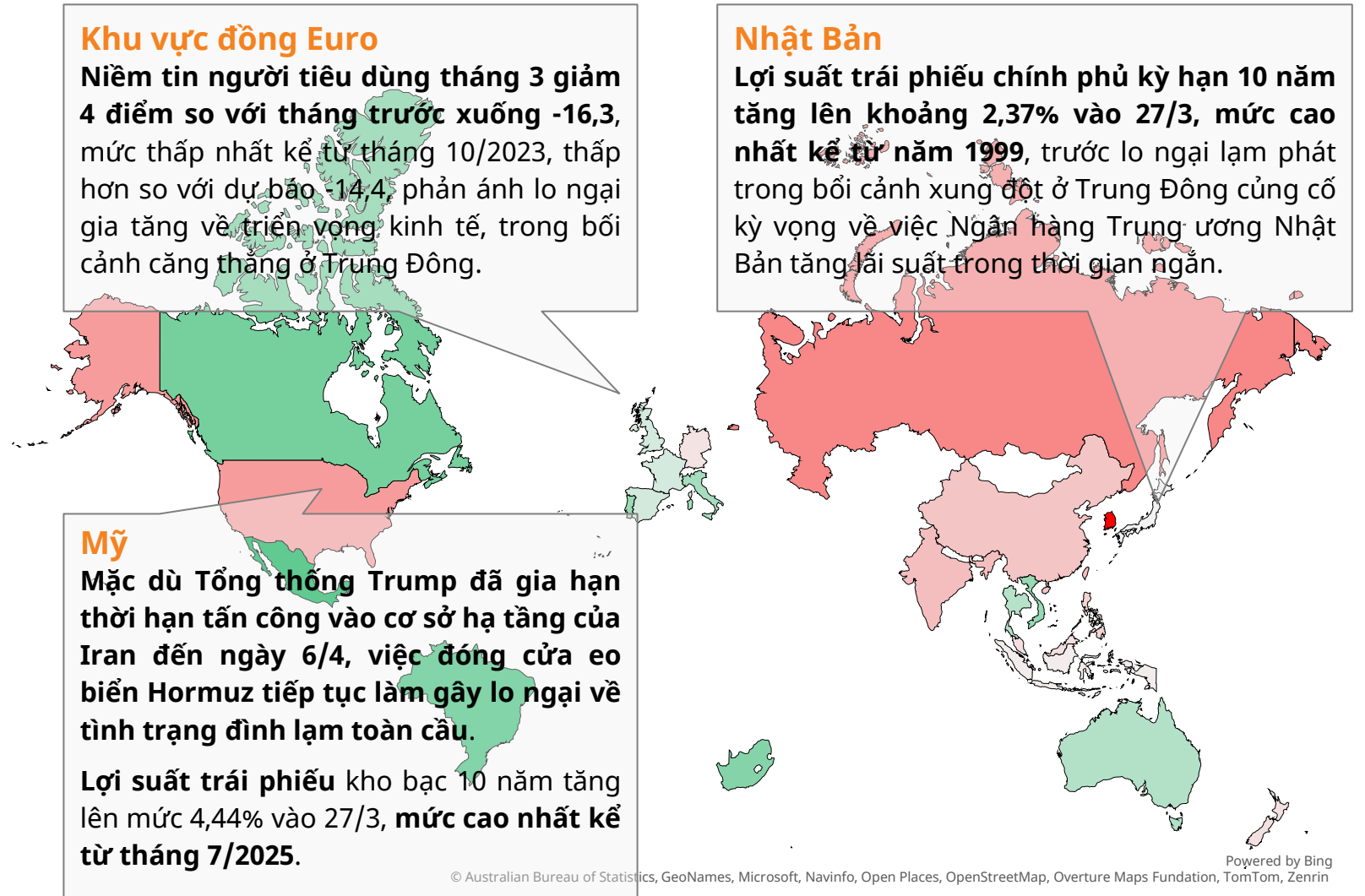
Nhật Bản

Lợi suất trái phiếu chính phủ kỳ hạn 10 năm tăng lên khoảng 2,37% vào 27/3, mức cao nhất kể từ năm 1999, trước lo ngại lạm phát trong bối cảnh xung đột ở Trung Đông củng cố kỳ vọng về việc Ngân hàng Trung ương Nhật Bản tăng lãi suất trong thời gian ngắn.

Mỹ

Mặc dù Tổng thống Trump đã gia hạn thời hạn tấn công vào cơ sở hạ tầng của Iran đến ngày 6/4, việc đóng cửa eo biển Hormuz tiếp tục làm gây lo ngại về tình trạng đình lạm toàn cầu.

Lợi suất trái phiếu kho bạc 10 năm tăng lên mức 4,44% vào 27/3, mức cao nhất kể từ tháng 7/2025.



Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp. Dữ liệu từ Bloomberg và Investing, cập nhật tới ngày 27/03/2026. Màu trên biểu đồ thể giới đại diện cho mức biến động các chỉ số chứng khoán trên thế giới trong tuần.

① Bối cảnh toàn cầu (Tiếp theo)

Thị trường hàng hóa

- **Giá vàng tăng lên 4.494 USD/ounce vào thứ Sáu sau khi giảm mạnh trong phiên trước đó**, trong bối cảnh Tổng thống Donald Trump cam kết sẽ không nhắm mục tiêu vào các cơ sở năng lượng của Iran cho đến ngày 6/4.
- **Giá dầu thô tăng lên mức gần 100USD/thùng (+1,3% WoW), mức cao nhất kể từ tháng 7/2022**, khi những gián đoạn mới ở eo biển Hormuz làm lu mờ các động thái ngoại giao.

Một số loại hàng hóa theo dõi	Giá	Thay đổi giá (%)			
		1 tuần	1 tháng	3 tháng	1 năm
Giá vàng (USD/ozt)	4,494	0.0	-13.0	-0.9	47.0
Chỉ số giá hàng hóa Bloomberg	134	0.0	11.1	19.3	27.1
Năng lượng					
Dầu thô WTI (USD/bbl.)	100	1.3	52.3	75.6	42.5
Dầu Brent (USD/bbl.)	113	0.3	58.9	85.6	52.1
Xăng (USD/gal.)	325	-1.1	63.2	91.5	44.7
Khí tự nhiên (USD/MBBtu)	3	0.0	4.2	-29.1	-21.6
Than (USD/T)	127	-3.7	18.4	34.9	27.2
Kim loại					
Thép (USD/MT)	3,105	-0.6	1.5	0.2	-1.1
HRC (USD/T)	1,041	2.9	3.4	14.9	17.0
Quặng sắt (USD/T)	104	-1.1	4.0	0.6	6.5
Đồng (USD/Lbs)	547	2.3	-8.7	-5.2	7.2
Nickel (USD/T)	17,034	0.9	-5.0	8.5	6.0
Nhôm (USD/MT)	3,362	3.3	6.3	14.2	32.0
Nông nghiệp					
Bắp (USD/bu.)	462	-0.8	7.3	2.7	2.7
Lúa mì (USD/bu.)	605	1.6	6.9	16.6	13.7
Đậu nành (USD/bu.)	1,159	-0.2	1.0	9.5	14.0
Đường (USD/lb.)	16	0.4	8.0	3.9	-17.4
Cao su (USD/kg)	200	5.8	-2.4	9.4	0.2
Heo (USD/Lbs)	91	-0.5	-5.6	7.4	4.3
Chỉ số vận tải biển quốc tế					
Baltic Dry Index (điểm)	2,031	-1.2	-4.2	8.2	25.3
Capesize	3,032	2.1	-3.1	-8.6	20.0
Panamax	1,756	-7.8	-7.1	38.6	18.3
Supramax	1,206	-1.5	-3.9	5.4	19.8

Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp. Dữ liệu từ Bloomberg, cập nhật tới 27/03/2026.

① Bối cảnh toàn cầu (Tiếp theo)

Sự kiện thế giới chính trong tuần

- Thị trường tiếp tục theo dõi cuộc chiến tranh ở Trung Đông, khi Tổng thống Donald Trump cam kết sẽ không nhắm mục tiêu vào các cơ sở năng lượng của Iran cho đến ngày 6/4.
- Mỹ:** Có tuần giao dịch ngắn hơn do nghỉ lễ Thứ Sáu Tuần Thánh vào ngày 3/4. **Tập trung vào các dữ liệu trên thị trường lao động:** Số lượng việc làm phi nông nghiệp dự kiến sẽ tăng 48.000 trong tháng 3, phục hồi sau mức giảm 92.000 trong tháng Hai; Tỷ lệ thất nghiệp tháng 3 có thể tăng nhẹ lên 4,5% (từ mức 4,4% trong tháng 2).
- Chỉ số PMI của S&P Global** cũng được công bố tại một số nước như **Mỹ, Trung Quốc, Hàn Quốc, và Việt Nam.**

Ngày	Quốc gia	Sự kiện	Kỳ trước	Kỳ vọng
30/3/2026				
4:00 PM	EA	Tâm lý kinh tế (T3)	98.3	96.5
9:30 PM	US	Bài phát biểu của Chủ tịch Fed Powell		
31/3/2026				
8:30 AM	CN	PMI Sản xuất của Tổng cục Thống kê Quốc gia (NBS) (T3)	49.0	50.0
4:00 PM	EA	CPI (Ước tính nhanh - YoY) (T3)	1.9%	2.8%
9:00 PM	US	Báo cáo Cơ hội việc làm & Luân chuyển lao động (JOLTs) (T2)	6.946M	6.85M
9:00 PM	US	Niềm tin Người tiêu dùng của Conference Board (T3)	91.2	88.0
1/4/2026				
7:30 PM	VN	Chỉ số PMI Sản xuất của S&P Global (T3)	54.3	
8:30 PM	KR	Chỉ số PMI Sản xuất của S&P Global (T3)	51.1	
9:30 PM	CN	Chỉ số PMI sản xuất của RatingDog (T3)	52.1	51.9
10:30 PM	EA	Tỷ lệ thất nghiệp (T2)	6.1%	6.1%
11:30 PM	US	Thay đổi Việc làm khu vực tư nhân (ADP) (T3)	63K	42K
12:30 AM	US	Doanh số bán lẻ (MoM) (T2)	-0.2%	0.4%
1:30 AM	US	Chỉ số PMI Sản xuất của ISM (T3)	52.4	52.3
2/4/2026				
7:30 PM	US	Số đơn Xin trợ cấp Thất nghiệp Lần đầu 28/3	210K	215K
3/4/2026				
8:45 AM	CN	Chỉ số PMI Dịch vụ của RatingDog (T3)	56.7	53.7
7:30 PM	US	Bảng lương Phi Nông nghiệp (T3)	-92K	48K
7:30 PM	US	Tỷ lệ thất nghiệp (T3)	4.4%	4.5%

Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp từ Trading Economics và Bloomberg. Tất cả thời gian đều là giờ địa phương của Việt Nam.

② Kinh tế vĩ mô Việt Nam

Tin tức tuần đáng chú ý

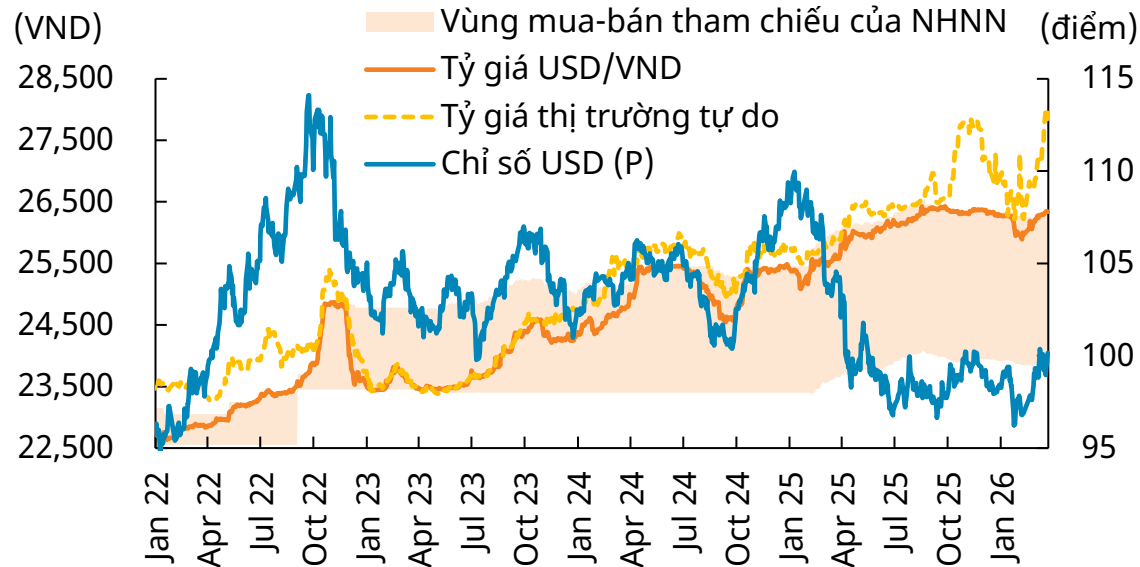
- **Giảm thuế đối với xăng, dầu:**
 - **Quyết định 482/QĐ-TTg: Giảm thuế bảo vệ môi trường, thuế giá trị gia tăng, thuế tiêu thụ đặc biệt đối với xăng, dầu và nhiên liệu bay về 0**, từ 24 giờ ngày 26/3/2026 đến hết ngày 15/4/2026:
 - Mức thuế bảo vệ môi trường đối với xăng (trừ etanol), dầu diesel và nhiên liệu bay là 0 đồng/lít. Xăng, dầu diesel và nhiên liệu bay thuộc đối tượng không phải kê khai, tính nộp thuế giá trị gia tăng nhưng được khấu trừ thuế giá trị gia tăng đầu vào.
 - Mức thuế suất thuế tiêu thụ đặc biệt đối với xăng các loại là 0%.
 - **Bộ Tài chính đề xuất miễn thuế xăng dầu (từ 16/4/2026 đến hết 30/6/2026)**. Theo đó, mức thuế bảo vệ môi trường đối với xăng (trừ etanol), dầu diesel và nhiên liệu bay là 0 đồng/lít. Mức thuế suất thuế tiêu thụ đặc biệt đối với xăng các loại là 0%.
- Ngày 29/3, Thủ tướng đã tới làm việc tại Nhà máy Lọc hóa dầu Nghi Sơn về tình hình vận hành, cung ứng sản phẩm xăng dầu và **khảo sát địa điểm dự kiến xây dựng kho dự trữ xăng dầu chiến lược tại Khu kinh tế Nghi Sơn**.
 - **Nhà máy Lọc hóa dầu Nghi Sơn** là một trong những nhà máy lọc dầu lớn nhất của Việt Nam, với **công suất thiết kế khoảng 200.000 thùng dầu thô/ngày** (tương đương 10 triệu tấn/năm). Trong điều kiện bình thường, Nhà máy cung cấp các sản phẩm xăng dầu cho thị trường Việt Nam, **đáp ứng khoảng 35% nhu cầu nội địa**.
 - Nhà máy đang duy trì vận hành ổn định ở công suất tối đa trong suốt tháng 3 và đã thu xếp **đủ nguồn dầu thô cần thiết để đảm bảo hoạt động liên tục đến hết tháng 5**.
- Các cơ quan quản lý và doanh nghiệp đã cùng rà soát toàn diện các điều kiện về hạ tầng, nguồn cung, cơ chế chính sách và khả năng vận hành thực tế để **đánh giá khả năng triển khai xăng sinh học E10 sớm hơn lộ trình chính thức, có thể ngay trong tháng 4/2026**.

② Kinh tế vĩ mô Việt Nam (Tiếp theo)

Áp lực tỷ giá tiếp tục gia tăng

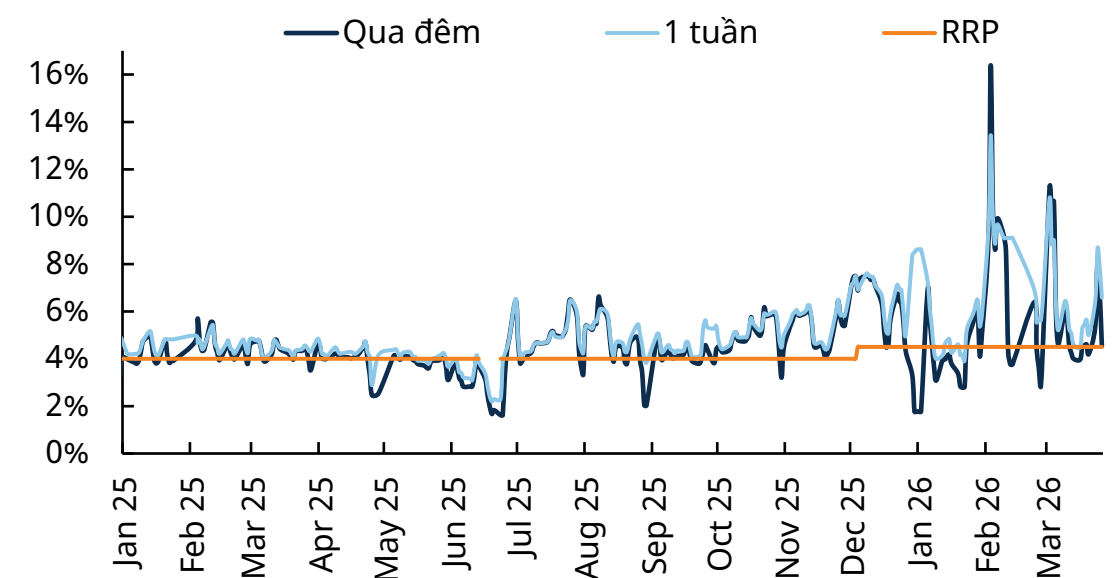
- **Tỷ giá USD/VND tiếp tục tăng trên thị trường tự do và chính thức:** Tính đến 27/3, thị trường tự do (27.945; +0,79% WoW; +4,33% YTD), trong khi tỷ giá bán tại VCB (26.355; +0,06% WoW; -0,08% YTD) đều tăng so với tuần trước. Ngày 24/3, ngân hàng Nhà nước Việt Nam quyết định bán ngoại tệ thông qua hợp đồng kỳ hạn, cho phép hủy ngang trong 180 ngày, giá bán kỳ hạn công bố là 26.850 đồng/USD.
- **Lãi suất liên ngân hàng qua đêm (4,53%; -7bps WoW) giảm nhẹ so với tuần trước** tính đến ngày 26/3.
- **Trong tuần 23–27/3, Ngân hàng Nhà nước (NHNN) đã bơm 106 nghìn tỷ đồng qua nghiệp vụ thị trường mở** (mua kỳ hạn 7–56 ngày) (đặc biệt tập trung vào ngày 24/3 bơm 70 nghìn tỷ đồng), tại mức lãi suất giữ nguyên là 4,5% (sau khi tăng 50bps kể từ ngày 3/12/2025). Theo đó, thanh khoản thị trường liên ngân hàng đã giảm hơn 32,3 nghìn tỷ đồng.

Tương quan giữa tỷ giá USD/VND và chỉ số DXY



Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp.
Dữ liệu từ Bloomberg, FiinPro, NHNN, cập nhật tới 27/03/2026.

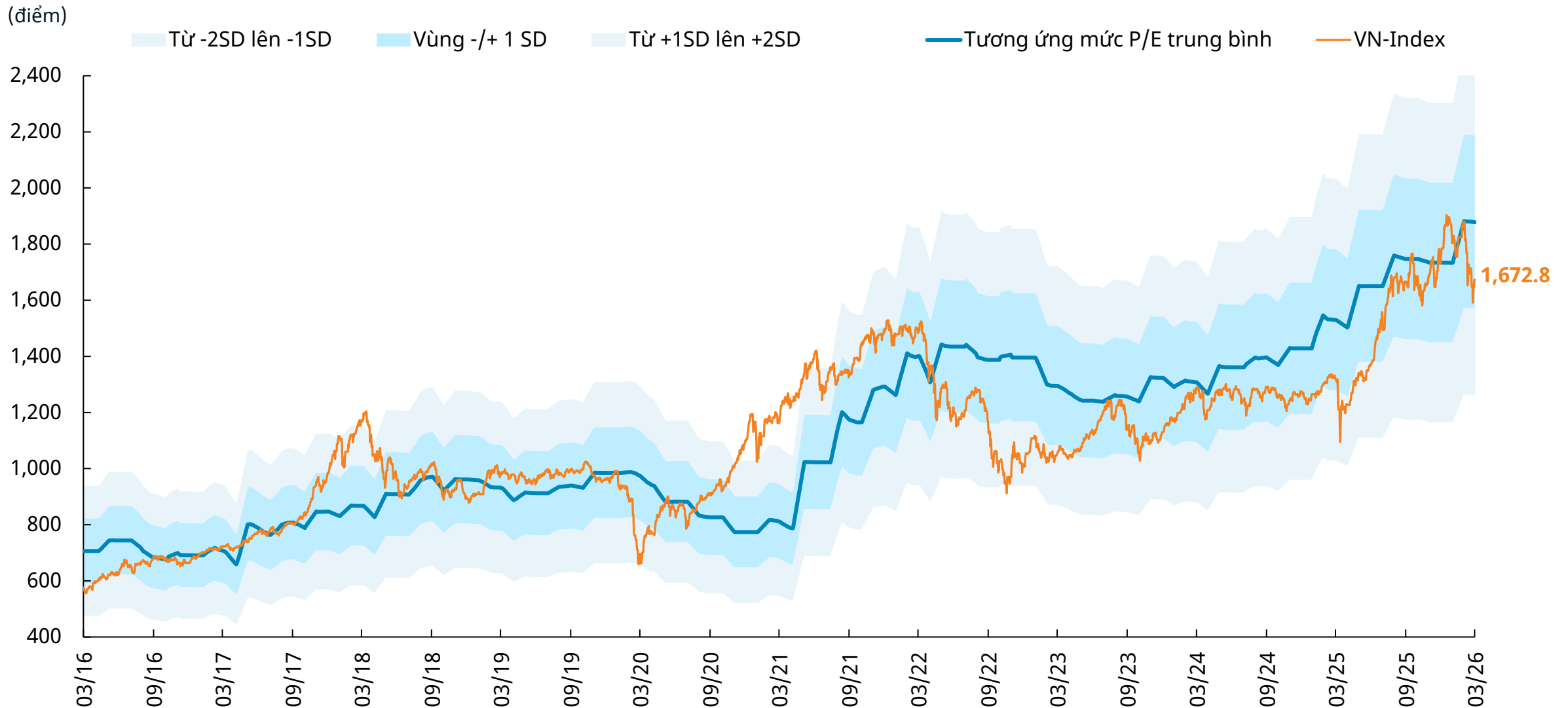
Lãi suất liên ngân hàng



Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp.
Dữ liệu từ FiinPro, NHNN, cập nhật tới 26/03/2026.

③ Thị trường chứng khoán Việt Nam

VN-Index và khung định giá theo mức biến động P/E trong 10 năm gần nhất: P/E hiện tại ở mức 15,1x (chiết khấu so với mức P/E trung bình: 17x)



Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp, Dữ liệu từ Bloomberg, cập nhật tới 27/03/2026.

③ Thị trường chứng khoán Việt Nam (Tiếp theo)

Kiểm định ngưỡng 1.700–1.750: Kỳ vọng hồi phục có chọn lọc

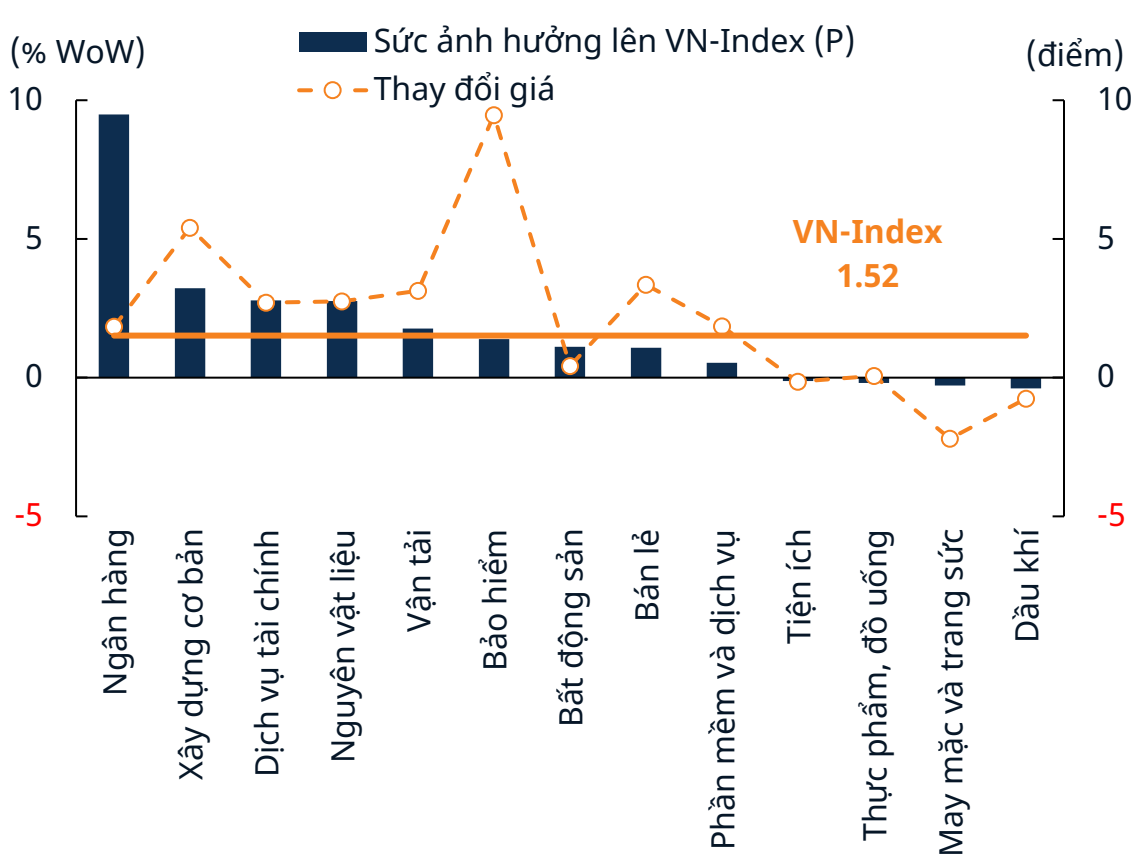
- **VN-Index: 1.672,8 điểm (+1,5% WoW)**, bật tăng sau khi chạm mức hỗ trợ quanh vùng 1600 điểm.
 - **Nhóm đóng góp tích cực: Ngân hàng (VPB, CTG), Xây dựng cơ bản (REE, GEE), Dịch vụ tài chính (TCX), Nguyên vật liệu (GVR)**
 - **Nhóm đóng góp tiêu cực: Dầu khí (BSR), May mặc và trang sức (PNJ), Thực phẩm & đồ uống (MCH)**
 - **Thanh khoản giảm nhẹ so với tuần trước và ở mức thấp nhất trong 5 tuần:** GTGD bình quân đạt 20,4 nghìn tỷ đồng/ngày (-10% WoW); tuy nhiên, có sự cải thiện thanh khoản ở một số nhóm ngành: **Xây dựng cơ bản, Bảo hiểm, Bán lẻ, May mặc & trang sức**
 - **Giao dịch theo nhóm nhà đầu tư: Cá nhân và tổ chức trong nước mua ròng** lần lượt 0,97 nghìn tỷ đồng (Lũy kế 2026: 3,92 nghìn tỷ đồng) và 2,01 nghìn tỷ đồng (Lũy kế 2026: 25,23 nghìn tỷ đồng). **Khối ngoại bán ròng** 2,98 nghìn tỷ đồng (Lũy kế 2026: -29,15 nghìn tỷ đồng).
- **Triển vọng thị trường trong ngắn hạn:**
 - **Thị trường kỳ vọng duy trì đà hồi phục và kiểm định ngưỡng kháng cự 1700–1750**, nhờ vào: 1) Định giá VN-Index hấp dẫn so với mức trung bình dài hạn, đi kèm triển vọng lợi nhuận 2026 lạc quan, với một số công ty vốn hóa lớn trình ĐHĐCĐ kế hoạch kinh doanh năm 2026 tích cực; 2) Thanh khoản tiếp tục suy giảm cho thấy lực bán yếu.
 - **Kỳ vọng hồi phục có chọn lọc hơn:** Dòng tiền được kỳ vọng tập trung vào những nhóm ngành có triển vọng tăng trưởng lợi nhuận rõ ràng (được cập nhật trong kỳ ĐHĐCĐ). Dù vậy, trong bối cảnh những rủi ro bên ngoài vẫn hiện hữu và độ biến động trên thị trường tăng, nhà đầu tư vẫn nên ưu tiên quản trị tiền mặt một cách chủ động để linh hoạt tích lũy cổ phiếu có nền tảng cơ bản tốt tại các vùng định giá hợp lý.
 - **Ngưỡng hỗ trợ : 1.600 điểm, với các biến động tin tức liên quan đến cuộc chiến ở Trung Đông có thể khiến thị trường biến động mạnh.**
- **Định giá: P/E VN-Index ở mức 15,1x (chiết khấu so với mức P/E trung bình 10 năm: 17x).**

③ Thị trường chứng khoán Việt Nam (Tiếp theo)

Hiệu suất giao dịch của tuần theo ngành

Tích cực: Ngân hàng, Xây dựng cơ bản, và Dịch vụ tài chính

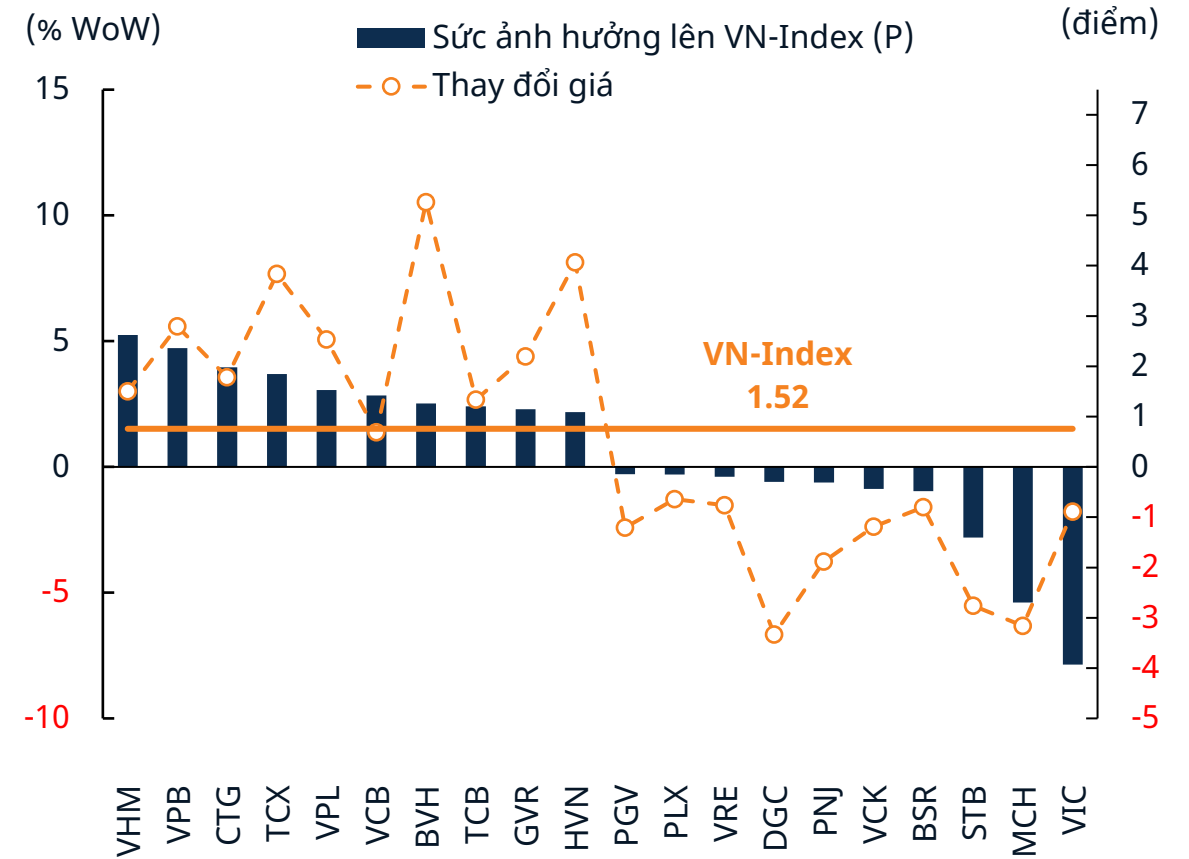
Tiêu cực: Dầu khí, May mặc & trang sức, và Thực phẩm & đồ uống



Top cổ phiếu tác động trong tuần

Top cổ phiếu đóng góp tăng điểm: VHM, VPB, CTG, TCX, VPL

Top cổ phiếu đóng góp giảm điểm: VIC, MCH, STB, BSR, VCK



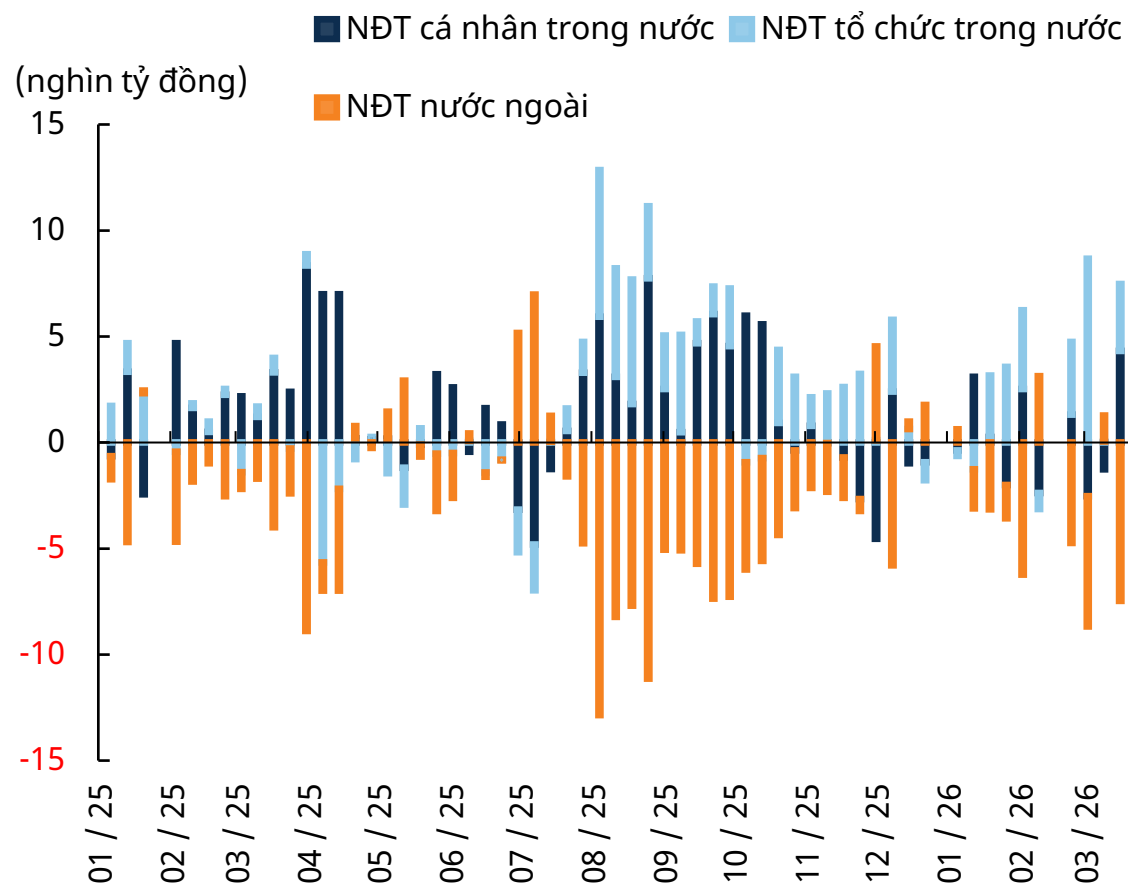
Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp, Dữ liệu từ Bloomberg, cập nhật tới 27/03/2026.

Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp, Dữ liệu từ Bloomberg, cập nhật tới 27/03/2026.

③ Thị trường chứng khoán Việt Nam (Tiếp theo)

Giá trị giao dịch hàng tuần theo nhóm nhà đầu tư tại HOSE

Cá nhân và tổ chức trong nước mua ròng lần lượt 0,97 nghìn tỷ đồng và 2,01 nghìn tỷ đồng. Khối ngoại bán ròng 2,98 nghìn tỷ đồng.



Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp, Dữ liệu từ Bloomberg, cập nhật tới 27/03/2026.

Đánh giá xếp hạng của chúng tôi về thanh khoản thị trường theo ngành

GTGD bình quân 20,4 nghìn tỷ đồng/ngày (-10% WoW).

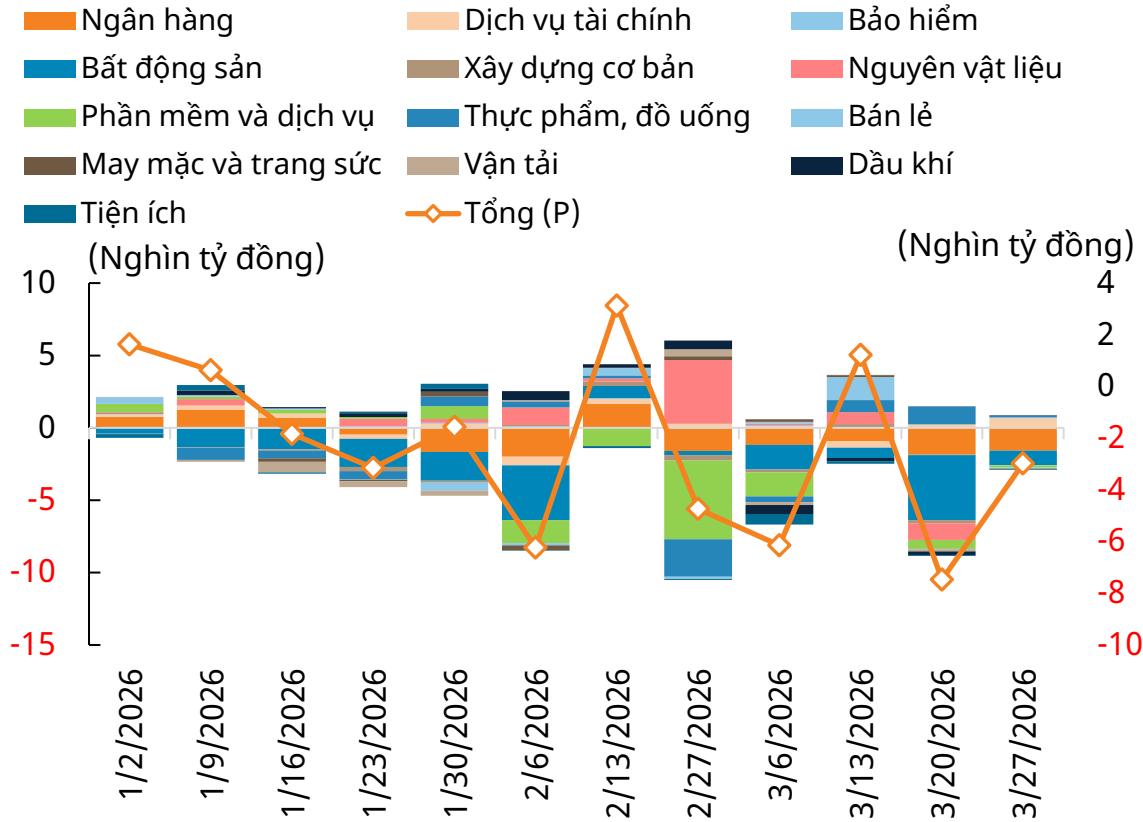
Phân ngành GICS	Xu hướng dòng tiền trong 12 tuần				GTGD (WoW)
	6/3/2026	13/3/2026	20/3/2026	27/3/2026	
VN-Index				23%	-10%
Xây dựng cơ bản				69%	21%
Bảo hiểm				62%	109%
Bán lẻ				62%	63%
Nguyên vật liệu				31%	-26%
May mặc và trang sức				31%	70%
Vận tải				31%	16%
Dầu khí				23%	-34%
Dịch vụ tài chính				23%	-17%
Phần mềm và dịch vụ				15%	-24%
Tiện ích				15%	-11%
Thực phẩm, đồ uống				8%	-32%
Bất động sản				8%	-12%
Ngân hàng				8%	-4%

Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam. Quy tắc đánh giá của chúng tôi: Mức độ tương đối của giá trị giao dịch từng ngành trong 12 tuần. Tích cực (xanh) biểu thị 33,33% cao nhất; Tiêu cực (đỏ) là thấp nhất; và Trung lập (vàng) là ở giữa.

③ Thị trường chứng khoán Việt Nam (Tiếp theo)

Top ngành khối ngoại mua/bán ròng trong tuần

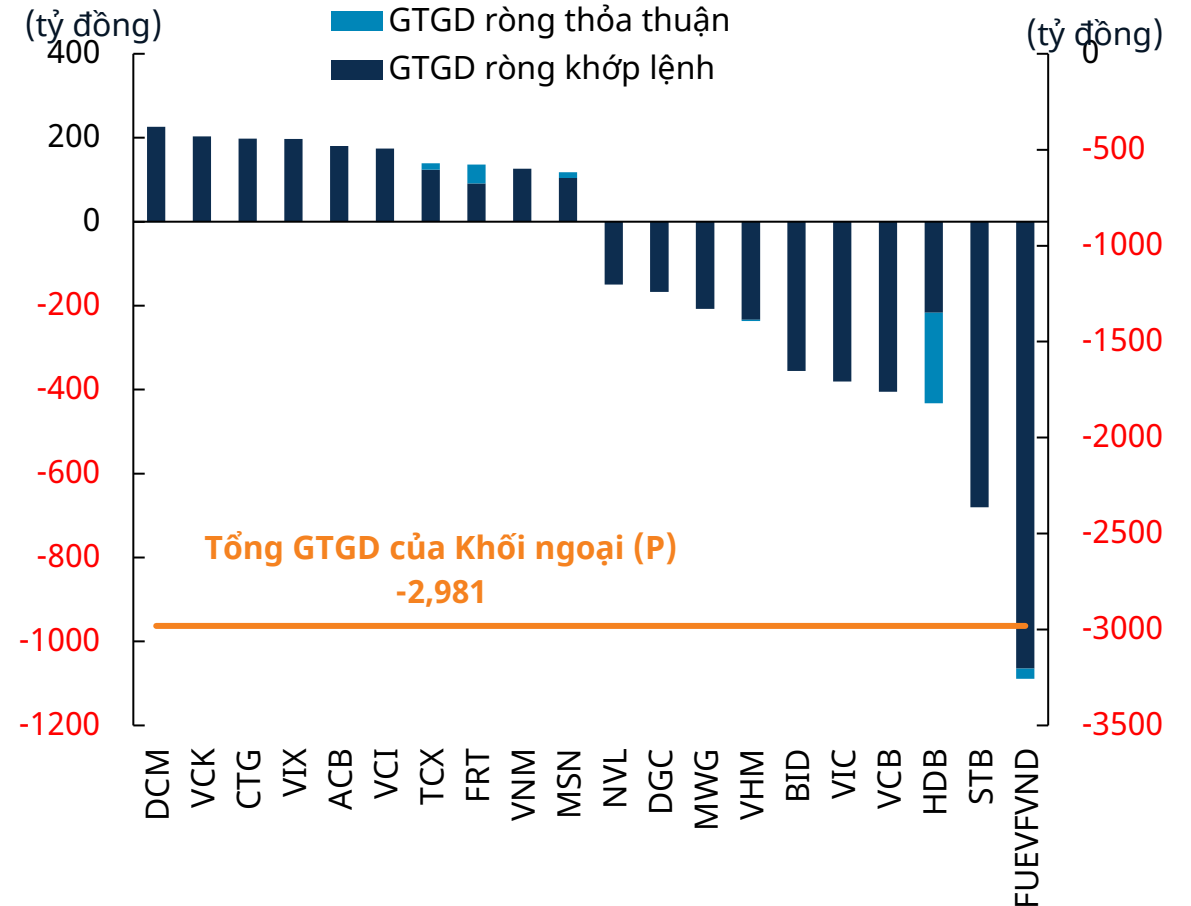
- Mua ròng: **Dịch vụ tài chính** (661 tỷ đồng).
- Bán ròng: **Ngân hàng** (1.563 tỷ đồng); **Bất động sản** (1.001 tỷ đồng).



Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp, Dữ liệu từ Bloomberg, cập nhật tới 27/03/2026.

Top cổ phiếu khối ngoại mua/bán ròng trong tuần

- Mua ròng: **DCM** (226 tỷ đồng); **VCK** (203 tỷ đồng); **CTG** (198 tỷ đồng).
- Bán ròng: **STB** (680 tỷ đồng); **HDB** (433 tỷ đồng); **VCB** (405 tỷ đồng).



Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp, Dữ liệu từ Bloomberg, cập nhật tới 27/03/2026.

③ Thị trường chứng khoán Việt Nam (Tiếp theo)

Tổng hợp thông tin các cổ phiếu thuộc danh sách VN100

Ngành	Mã cổ phiếu	Vốn hóa (tỷ đồng)	Giá (VNĐ)			Biến động giá (%)				Chỉ số định giá (12T gần nhất)			Sở hữu khối ngoại	
			Giá đóng cửa	Cao nhất 52 tuần	Thấp nhất 52 tuần	1 ngày	1 tuần	1 tháng	1 năm	P/E	P/B	ROE (%)	Hiện tại (%)	Còn lại (%)
VN-Index		7,856,885	1,672.8	1,901.2	1,158.2	1.7	1.5	-11.0	26.4	15.1	2.0	14.3	14.60	28.68
VN30 Index		5,353,333	1,821.5	2,102.8	1,208.4	1.7	1.3	-11.7	32.0	14.0	2.1	16.1	18.01	17.44
VN100 Index		6,780,984	1,759.1	1,979.5	1,188.9	1.8	1.9	-9.7	29.3	13.7	1.9	14.7	16.16	23.85
VNDiamond Index		1,689,053	2,509.8	2,795.1	1,894.2	2.1	1.8	-9.4	13.6	11.9	1.9	16.2	26.12	3.55
Ngân hàng	VCB	491,314	58,800	76,000	55,600	1.6	1.4	-9.4	-10.2	14.0	2.2	16.6	20.37	9.63
	BID	290,111	39,850	54,500	33,550	2.4	0.3	-16.8	1.9	9.3	1.7	19.5	16.92	13.08
	CTG	270,290	34,800	41,550	25,132	3.0	3.6	-9.0	21.0	7.8	1.5	21.2	25.33	4.67
	TCB	217,193	30,650	41,650	24,150	1.7	2.7	-15.4	10.5	8.6	1.3	16.0	22.54	0.00
	VPB	209,852	26,450	38,250	16,450	1.0	5.6	-8.6	37.4	8.7	1.2	15.5	24.91	5.09
	MBB	210,638	26,150	29,500	15,985	1.4	0.8	-8.2	44.4	7.9	1.5	21.6	23.22	0.02
	HDB	126,633	25,300	29,700	15,036	3.1	1.2	-9.5	44.9	7.1	1.7	25.4	22.39	4.61
	LPB	124,868	41,800	53,700	29,000	0.0	1.7	-2.9	26.7	10.9	2.6	25.2	0.71	4.29
	ACB	122,252	23,800	29,400	19,565	0.8	3.5	-3.1	5.3	7.8	1.3	17.6	27.46	2.54
	STB	112,924	59,900	67,200	34,100	-1.2	-5.5	-8.5	56.6	19.0	1.9	10.3	12.84	17.16
	SHB	70,743	15,400	19,100	9,646	1.7	3.4	-3.4	37.0	5.9	1.0	19.1	3.26	26.74
	VIB	57,868	17,000	24,800	15,175	0.3	1.2	-1.7	-3.1	7.9	1.2	16.4	4.98	0.01
	SSB	48,081	16,900	23,800	16,350	0.9	0.0	0.0	-13.8	9.0	1.2	14.2	0.17	4.83
	TPB	45,078	16,250	21,714	11,810	2.2	2.8	-11.7	19.3	6.1	1.1	18.5	24.38	5.62
	EIB	42,377	22,750	30,900	16,900	1.6	2.2	-2.8	17.0	37.3	1.6	4.4	3.34	26.63
	MSB	35,412	11,350	15,625	8,750	0.4	0.9	-7.0	15.4	6.3	0.8	14.2	29.04	0.96
	OCB	29,826	11,200	15,400	9,093	0.4	2.8	-3.9	8.0	7.4	0.9	12.2	19.59	2.41
NAB	22,647	13,200	17,000	12,080	2.7	9.1	-5.7	-2.7	5.4	1.0	19.6	0.93	29.07	
Dịch vụ tài chính	SSI	67,384	27,050	40,214	20,403	2.7	0.4	-16.5	12.9	14.2	1.8	14.0	31.64	68.36
	VIX	41,042	16,750	33,907	9,048	4.7	3.1	-11.8	65.9	5.6	1.4	28.9	7.86	92.14
	VND	24,128	15,850	27,350	13,800	2.3	3.3	-15.2	1.9	11.9	1.2	10.0	9.70	90.30
	VCI	30,642	26,700	36,630	24,222	1.1	1.0	-6.4	-5.9	19.4	1.7	8.7	19.58	80.42
	HCM	24,029	22,250	30,400	19,675	2.3	8.5	-8.2	-8.9	19.1	1.7	9.4	34.34	14.66
	FTS	8,870	25,600	46,182	24,750	2.4	3.4	-21.5	-42.9	22.1	2.0	9.3	24.78	75.22
	DSE	10,299	24,050	31,225	18,910	3.7	3.4	-0.2	6.0	32.3	2.1	6.5	11.18	88.82
	BSI	8,416	34,300	56,000	33,000	1.5	0.3	-11.8	-33.0	17.0	1.5	9.3	35.46	64.54
	EVF	10,876	14,300	16,500	8,450	2.5	3.2	3.6	43.0	12.7	1.1	9.0	0.49	14.51
	CTS	5,711	26,850	46,500	22,273	3.1	2.3	-15.4	-0.8	9.1	2.0	22.6	0.55	48.45

Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp. Dữ liệu từ Bloomberg và FiinPro, cập nhật ngày 27/03/2026. Lưu ý: Các cổ phiếu được làm nổi bật là thành viên của VN30.

③ Thị trường chứng khoán Việt Nam (Tiếp theo)

Tổng hợp thông tin các cổ phiếu thuộc danh sách VN100 (tiếp theo)

Ngành	Mã cổ phiếu	Vốn hóa (tỷ đồng)	Giá (VNĐ)			Biến động giá (%)				Chỉ số định giá (12T gần nhất)			Sở hữu khối ngoại	
			Giá đóng cửa	Cao nhất 52 tuần	Thấp nhất 52 tuần	1 ngày	1 tuần	1 tháng	1 năm	P/E	P/B	ROE (%)	Hiện tại (%)	Còn lại (%)
Bảo hiểm	BVH	62,355	84,000	84,200	42,700	3.1	10.5	3.6	57.9	20.9	2.5	12.6	27.36	21.64
Bất động sản	VIC	1,021,820	132,600	180,200	26,700	2.0	-1.8	-22.9	364.4	87.7	6.8	8.0	3.45	44.57
	VHM	423,063	103,000	142,800	46,100	1.9	3.0	-4.6	101.2	10.1	1.8	19.0	7.64	42.36
	VPL	148,844	83,000	109,100	70,900	1.5	5.1	-0.6	0.0	N/A	4.1	N/A	1.07	47.93
	VRE	58,512	25,750	43,550	17,450	0.8	-1.5	-11.4	31.0	9.1	1.2	14.3	11.75	37.25
	KBC	28,912	30,700	43,100	21,800	7.0	5.7	-13.3	3.9	12.7	1.2	9.7	9.30	39.70
	KDH	29,626	26,400	37,500	22,091	3.7	3.5	-3.1	-10.5	30.1	1.6	5.5	28.94	21.06
	PDR	16,364	16,400	27,200	13,935	6.8	8.3	0.0	-9.6	31.6	1.3	4.4	6.43	43.57
	VPI	18,403	57,500	62,300	48,000	1.1	-0.9	-1.7	-1.2	46.9	3.5	7.8	9.66	39.34
	DXG	16,241	14,600	24,200	11,368	5.4	4.3	-3.3	4.2	63.3	1.1	1.9	19.57	30.43
	SJS	14,740	49,550	79,000	32,819	1.1	0.7	-4.2	20.7	41.2	4.3	11.1	0.58	49.42
	SIP	14,043	58,000	79,913	50,700	3.0	5.5	-6.8	-26.7	10.6	2.7	27.0	2.54	46.46
	NLG	14,240	29,350	43,159	23,825	3.3	6.0	5.4	-5.5	20.1	1.1	5.9	41.16	8.84
	HDG	11,025	29,800	36,200	18,773	0.7	2.2	9.2	22.3	15.6	1.6	10.9	19.37	30.63
	KOS	8,454	39,050	42,150	36,200	0.1	1.0	7.6	1.0	448.8	3.6	0.8	0.23	48.77
	BCM	56,201	54,300	79,500	52,700	2.8	2.8	-19.3	-29.8	16.3	2.5	16.5	0.96	33.04
NVL	31,918	14,300	19,050	8,910	0.7	6.3	16.3	39.5	20.1	0.7	4.2	5.61	43.39	
HDC	3,785	18,950	37,768	17,500	6.8	8.3	-9.3	-20.5	5.9	1.3	24.9	1.69	47.31	
DXS	3,915	6,760	13,950	5,660	7.0	8.3	-5.6	-6.1	11.6	0.6	5.5	7.02	42.98	
Nguyên vật liệu	HPG	203,400	26,500	30,100	19,583	2.3	2.3	-8.0	15.6	13.2	1.6	12.7	22.04	26.96
	GVR	128,400	32,100	42,300	23,300	7.0	4.4	-19.8	-8.2	23.3	2.3	10.1	0.76	12.24
	DGC	19,673	51,800	108,500	51,600	-1.0	-6.7	-29.8	-50.7	6.9	1.3	20.0	6.45	42.55
	DCM	25,676	48,500	52,300	27,900	-0.2	11.2	12.9	43.7	15.1	2.4	16.2	9.18	39.82
	DPM	20,942	30,800	35,800	17,612	-1.0	6.8	11.6	51.8	20.5	1.8	9.6	6.06	43.94
	HSG	9,253	14,900	21,100	13,350	2.8	4.9	-7.7	-16.1	14.6	0.8	5.6	3.68	45.32
	PHR	8,374	61,800	69,500	42,800	2.1	5.6	-2.1	-7.8	17.7	2.1	13.2	13.76	35.24
	NKG	6,176	13,800	20,400	11,750	3.4	0.4	-12.7	-9.5	31.3	0.8	2.9	4.98	45.02
	HT1	5,743	15,050	18,500	10,100	2.4	-3.2	-11.7	23.9	21.0	1.1	5.5	2.33	46.67

Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp. Dữ liệu từ Bloomberg và FiinPro, cập nhật ngày 27/03/2026. Lưu ý: Các cổ phiếu được làm nổi bật là thành viên của VN30.

③ Thị trường chứng khoán Việt Nam (Tiếp theo)

Tổng hợp thông tin các cổ phiếu thuộc danh sách VN100 (tiếp theo)

Ngành	Mã cổ phiếu	Vốn hóa (tỷ đồng)	Giá (VNĐ)			Biến động giá (%)				Chỉ số định giá (12T gần nhất)			Sở hữu khối ngoại	
			Giá đóng cửa	Cao nhất 52 tuần	Thấp nhất 52 tuần	1 ngày	1 tuần	1 tháng	1 năm	P/E	P/B	ROE (%)	Hiện tại (%)	Còn lại (%)
Xây dựng cơ bản	GEE	63,172	172,600	245,800	51,583	2.1	8.6	-8.2	198.0	19.0	8.5	48.6	0.72	49.28
	REE	38,837	71,700	72,500	53,478	0.0	6.4	16.0	12.8	15.4	1.9	12.7	48.97	0.03
	GEX	32,441	35,950	65,700	20,238	1.6	4.1	-9.1	62.0	22.0	1.8	9.3	6.67	43.33
	VGC	20,445	45,600	66,600	36,500	2.0	3.6	-10.9	-8.7	14.6	2.4	16.5	2.53	46.47
	TCH	15,232	16,700	24,571	12,520	5.0	12.1	9.9	7.1	43.8	1.3	3.0	12.15	38.85
	BMP	10,495	128,200	184,200	105,500	2.5	-1.0	-19.1	7.7	8.5	3.6	44.0	81.53	18.47
	VCG	14,158	21,900	28,600	17,870	0.7	-1.8	14.4	12.4	3.6	1.2	39.8	3.41	45.59
	CII	12,835	19,100	31,350	9,825	4.9	17.2	8.2	56.1	101.2	1.3	1.5	5.77	34.23
	CTR	9,791	85,600	110,500	79,600	0.7	7.0	-10.2	-17.3	16.3	4.7	30.5	5.31	43.69
	DIG	11,508	14,450	25,100	12,667	6.6	8.2	-3.3	-15.4	16.5	0.9	7.5	2.68	46.32
	PC1	11,968	29,100	30,150	17,087	2.8	9.2	-3.5	44.6	12.9	1.8	15.4	15.89	34.11
	CTD	9,127	85,700	98,571	65,238	0.2	3.3	-3.3	3.7	11.6	1.0	8.6	49.00	0.00
HHV	6,069	12,200	16,941	9,904	1.2	1.7	-2.4	6.2	10.1	0.6	5.9	10.69	38.31	
SZC	5,310	29,500	43,850	28,200	4.2	1.5	-14.5	-32.6	15.4	1.7	10.9	4.80	15.20	
Tiện ích	GAS	198,103	82,100	122,000	54,175	2.2	0.1	-23.9	25.8	17.4	3.0	18.0	2.24	46.76
	POW	40,035	13,050	15,350	9,092	-0.4	-0.8	-10.0	22.9	15.2	1.1	7.3	2.88	47.12
	BWE	9,490	43,150	53,000	38,000	0.6	0.5	-3.5	-3.4	11.5	1.6	14.5	3.93	45.07
	NT2	8,032	27,900	28,300	17,300	0.5	7.5	0.5	39.5	7.3	1.7	24.4	12.77	36.23
	PLX	53,683	42,250	67,000	33,300	5.9	-1.3	-26.9	3.2	22.5	2.1	10.3	14.54	5.46
Dầu khí	PVD	19,873	35,750	43,100	17,150	3.0	4.4	-7.4	56.8	21.6	1.2	6.3	11.75	37.25
	BSR	138,201	27,600	39,500	9,319	1.3	-1.6	-11.5	128.0	26.5	2.3	9.0	1.93	47.07
	PVT	10,479	22,300	30,700	14,811	-0.4	2.5	-7.3	16.3	10.1	1.2	12.7	12.46	36.54

Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp. Dữ liệu từ Bloomberg và FiinPro, cập nhật ngày 27/03/2026. Lưu ý: Các cổ phiếu được làm nổi bật là thành viên của VN30.

③ Thị trường chứng khoán Việt Nam (Tiếp theo)

Tổng hợp thông tin các cổ phiếu thuộc danh sách VN100 (tiếp theo)

Ngành	Mã cổ phiếu	Vốn hóa (tỷ đồng)	Giá (VNĐ)			Biến động giá (%)				Chỉ số định giá (12T gần nhất)			Sở hữu khối ngoại	
			Giá đóng cửa	Cao nhất 52 tuần	Thấp nhất 52 tuần	1 ngày	1 tuần	1 tháng	1 năm	P/E	P/B	ROE (%)	Hiện tại (%)	Còn lại (%)
Thực phẩm và Đồ uống	VNM	128,532	61,500	73,000	53,800	0.8	2.5	-9.8	0.7	15.3	4.2	26.7	48.98	51.02
	MSN	105,986	73,300	94,000	53,100	1.7	2.8	-7.2	5.6	27.1	3.2	12.5	23.69	76.31
	SAB	56,625	44,150	53,800	42,600	0.9	3.6	-8.8	-10.9	13.2	2.7	19.9	58.41	41.59
	HAG	20,468	16,150	18,400	10,750	1.3	4.9	1.3	28.2	8.6	1.5	19.4	1.89	47.11
	SBT	19,989	22,800	26,750	14,000	5.1	10.7	-5.4	53.5	29.9	1.7	5.9	19.80	80.20
	VHC	13,198	58,800	65,600	47,000	-0.8	2.3	-4.4	-8.1	9.7	1.4	15.0	20.33	79.67
	KDC	14,302	49,350	59,000	48,900	-0.1	-1.2	-3.8	-12.3	27.4	2.0	7.6	16.05	33.95
	DBC	8,929	23,200	31,696	20,783	1.3	-0.2	-12.6	-9.9	5.9	1.1	20.3	1.56	47.44
	ANV	6,244	23,450	33,450	13,850	3.1	1.7	-13.3	41.3	6.2	1.8	31.6	3.48	45.52
PAN	6,298	30,150	35,300	22,100	3.3	6.7	-8.6	12.5	9.4	1.2	12.9	20.87	28.13	
Bán lẻ	MWG	118,942	81,000	93,900	50,600	3.2	1.6	-13.0	34.1	16.9	3.6	23.3	48.61	0.39
	FRT	27,674	162,500	171,000	104,800	2.8	9.4	-3.8	18.8	34.8	6.6	26.1	33.14	15.86
	DGW	10,063	45,500	54,900	30,900	1.1	8.3	-11.1	17.6	18.3	2.9	17.1	22.38	26.62
Vận tải	VJC	92,883	157,000	212,500	82,400	1.3	-0.2	-10.7	62.7	41.7	3.7	10.1	6.45	23.55
	GMD	33,480	78,500	85,100	43,100	0.9	1.7	-7.0	35.1	21.5	2.6	12.1	41.56	7.44
	VTP	12,081	99,200	141,900	88,000	4.3	11.7	-7.5	-29.6	34.7	6.8	20.8	4.89	44.11
	VSC	8,891	23,750	33,850	11,720	0.6	-5.9	-8.3	69.6	26.1	1.6	6.9	1.58	47.42
	SCS	5,152	54,300	70,700	51,300	3.4	3.8	-5.2	-22.3	6.9	3.5	53.2	10.47	19.53
Phần mềm và dịch vụ	FPT	129,637	76,100	111,500	73,600	2.6	2.0	-18.1	-30.7	13.8	3.6	28.3	33.34	15.66
	CMG	6,790	29,150	41,636	27,909	0.9	-1.5	-16.2	-19.7	16.8	2.2	13.5	37.81	12.19
May mặc và trang sức	PNJ	37,492	109,900	127,000	69,600	3.7	-3.8	-9.8	29.4	13.6	2.8	23.1	48.81	0.19
Dược phẩm	IMP	8,440	54,800	56,700	39,200	0.6	0.6	1.5	20.0	27.3	3.7	13.6	50.91	27.05

Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp. Dữ liệu từ Bloomberg và FiinPro, cập nhật ngày 27/03/2026. Lưu ý: Các cổ phiếu được làm nổi bật là thành viên của VN30.

Quỹ mở và ETF

Hiệu suất giao dịch

Loại quỹ	Mã quỹ	Mã AMC	Ngày thành lập	Giá trị NAV / đơn vị	Hiệu suất (%)					
					Kể từ khi	1 tháng	6 tháng	YTD	1 năm	3 năm
Cổ phiếu	MAGEF	MAGI	07/2019	21,512.34	115.12%	-3.62%	-9.52%	0.33%	27.19%	76.74%
	SSI-SCA	SSIAM	09/2014	45,177.03	351.77%	-1.18%	-7.93%	-3.55%	9.79%	85.39%
	VEOF	VCFM	07/2014	34,963.90	249.64%	-1.13%	-9.72%	-5.66%	12.49%	64.07%
	VESAF	VCFM	04/2017	34,434.22	244.34%	2.68%	-8.43%	-4.46%	11.57%	67.37%
	DFVN-CAF	DFVN	01/2019	17,841.70	78.42%	1.13%	-8.36%	-1.88%	12.01%	44.78%
	UVEEF	UOBAM	11/2022	17,051.75	70.52%	-7.83%	-10.27%	-3.12%	17.37%	60.08%
	BVFED	BVF	01/2014	29,511.00	195.11%	-5.33%	-8.67%	-5.76%	23.58%	71.38%
	BVPF	BVF	12/2016	22,712.00	127.12%	-0.05%	-4.65%	-2.10%	7.27%	50.52%
	FVEF	FIDES	04/2023	15,560.00	55.60%	-3.32%	-10.80%	-0.94%	21.28%	-
	KDEF	KIM	04/2025	12,381.47	23.81%	-4.34%	-9.45%	-4.86%	-	-
	LHCDF	LIGHTHOUSE	05/2024	11,145.46	11.45%	-4.18%	-7.63%	-9.15%	-0.56%	-
	VCBF-BCF	VCBF	08/2014	42,688.28	326.88%	-2.83%	-9.79%	-1.39%	18.98%	72.89%
	VCBF-MGF	VCBF	12/2021	14,499.27	44.99%	1.71%	-8.16%	-2.93%	8.01%	78.84%
	VCBF-AIF	VCBF	02/2025	11,330.84	13.31%	-	-9.43%	-0.29%	-	-
	TCGF	TCAM	10/2024	11,554.72	15.55%	-4.06%	-7.23%	-10.17%	9.67%	-
	DCDS	DRAGON CAPITAL	05/2004	100,237.48	902.37%	-7.36%	-10.26%	-7.03%	24.27%	90.02%
DCDE	DRAGON CAPITAL	02/2008	30,470.05	204.70%	-2.23%	-8.77%	-8.57%	13.97%	65.02%	
PHVSF	PHU HUNG	11/2022	13,263.63	32.64%	-1.19%	-7.61%	-6.35%	9.62%	32.50%	
Trái phiếu	MAFF	MAGI	11/2021	13,495.58	34.96%	1.60%	0.19%	2.83%	6.42%	24.69%
	SSIBF	SSIAM	08/2017	16,634.27	66.34%	0.93%	0.34%	2.07%	4.70%	22.31%
	VFF	VCFM	04/2013	25,893.87	158.94%	1.42%	0.46%	3.75%	7.18%	23.09%
	DFVN-FIX	DFVN	02/2021	12,048.21	20.48%	1.02%	0.28%	2.54%	4.82%	14.11%
	BVBF	BVF	04/2016	22,092.00	120.92%	1.89%	0.08%	2.90%	5.81%	22.78%
	FBF	FIDES	01/2022	12,372.00	23.72%	1.31%	0.53%	2.55%	4.83%	16.55%
	LHBF	LIGHTHOUSE	12/2022	14,877.47	48.77%	1.41%	0.61%	2.76%	5.02%	-
	VCBF-FIF	VCBF	08/2019	15,647.60	56.48%	2.45%	0.84%	3.36%	6.47%	24.95%
	DCBF	DRAGON CAPITAL	06/2013	29,431.19	194.31%	1.50%	0.47%	3.46%	6.94%	24.60%
	DCIP	DRAGON CAPITAL	04/2019	12,015.85	20.16%	1.29%	0.18%	2.86%	5.60%	19.85%
Cân bằng	VIBF	VCFM	07/2019	19,527.11	95.27%	-1.30%	-5.23%	-2.56%	8.31%	41.96%
	VCBF-TBF	VCBF	12/2013	38,134.31	281.34%	-0.84%	-5.84%	0.48%	14.24%	57.43%

Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp,
Dữ liệu từ Fund Distribution fundteam@miraeasset.com.vn, cập nhật ngày 27/03/2026.

Phụ lục

Tuyên bố miễn trừ trách nhiệm

Báo cáo này được công bố bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam) (MAS), công ty chứng khoán được phép thực hiện môi giới chứng khoán tại nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và là thành viên của Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam. Thông tin và ý kiến trong báo cáo này đã được tổng hợp một cách thiện chí và từ các nguồn được cho là đáng tin cậy, nhưng những thông tin đó chưa được xác minh một cách độc lập và MAS không cam đoan, đại diện hoặc bảo đảm, rõ ràng hay ngụ ý, về tính công bằng, chính xác, đầy đủ hoặc tính đúng đắn của thông tin và ý kiến trong báo cáo này hoặc của bất kỳ bản dịch nào từ tiếng Anh sang tiếng Việt. Trong trường hợp bản dịch tiếng Anh của báo cáo được chuẩn bị bằng tiếng Việt, bản gốc của báo cáo bằng tiếng Việt có thể đã được cung cấp cho nhà đầu tư trước khi thực hiện báo cáo này.

Đối tượng dự kiến của báo cáo này là các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp, có kiến thức cơ bản về môi trường kinh doanh địa phương, các thông lệ chung, luật và nguyên tắc kế toán và không có đối tượng nào nhận hoặc sử dụng báo cáo này vi phạm bất kỳ luật và quy định nào hoặc quy định của MAS và các bên liên kết, chi nhánh đối với các yêu cầu đăng ký hoặc cấp phép ở bất kỳ khu vực tài phán nào sẽ nhận được hoặc sử dụng bất kỳ thông tin nào từ đây.

Báo cáo này chỉ dành cho mục đích thông tin chung, không phải và sẽ không được hiểu là một lời đề nghị hoặc một lời mời chào để thực hiện bất cứ giao dịch chứng khoán hoặc công cụ tài chính nào khác. Báo cáo này không phải là lời khuyên đầu tư cho bất kỳ đối tượng nào và đối tượng đó sẽ không được coi là khách hàng của MAS khi nhận được báo cáo này. Báo cáo này không tính đến các mục tiêu đầu tư, tình hình tài chính hoặc nhu cầu cụ thể của các khách hàng cá nhân. Không được dựa vào báo cáo này để thực hiện quyết định độc lập. Thông tin và ý kiến có trong báo cáo này có giá trị kể từ ngày công bố và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Giá và giá trị của các khoản đầu tư được đề cập trong báo cáo này và thu nhập từ các khoản đầu tư đó có thể giảm giá hoặc tăng giá, và các nhà đầu tư có thể phải chịu thua lỗ cho các khoản đầu tư. Hiệu suất trong quá khứ không phải là hướng dẫn cho hiệu suất trong tương lai. Lợi nhuận trong tương lai không được đảm bảo và có thể xảy ra mất vốn ban đầu. MAS, các chi nhánh và giám đốc, cán bộ nhân viên và đại diện của họ không chịu bất kỳ trách nhiệm pháp lý nào đối với bất kỳ tổn thất nào phát sinh từ việc sử dụng báo cáo này.

MAS có thể đã đưa ra các báo cáo khác không nhất quán và đưa ra kết luận khác với các ý kiến được trình bày trong báo cáo này. Các báo cáo có thể phản ánh các giả định, quan điểm và phương pháp phân tích khác nhau của các nhà phân tích. MAS có thể đưa ra các quyết định đầu tư không phù hợp với các ý kiến và quan điểm được trình bày trong báo cáo nghiên cứu này. MAS, các chi nhánh và giám đốc, cán bộ nhân viên và đại diện có thể mua hoặc bán bất kỳ chứng khoán vào bất kỳ lúc nào và có thể thực hiện mua hoặc bán, hoặc đề nghị mua hoặc bán bất kỳ chứng khoán nào như vậy hoặc các công cụ tài chính khác tùy từng thời điểm trên thị trường hoặc theo cách khác, trong từng trường hợp, với tư cách là bên tự doanh hoặc môi giới. MAS và các chi nhánh có thể đã có, hoặc có thể tham gia vào các mối quan hệ kinh doanh với các công ty để cung cấp các dịch vụ ngân hàng đầu tư, tạo lập thị trường hoặc các dịch vụ tài chính khác được cho phép theo luật và quy định hiện hành.

Không một phần nào của báo cáo này có thể được sao chép hoặc soạn thảo lại theo bất kỳ cách thức hoặc hình thức nào hoặc được phân phối lại hoặc xuất bản, toàn bộ hoặc một phần, mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của MAS.

Disclaimers

This report is published by Mirae Asset Securities (Vietnam) JSC (MAS), a broker-dealer registered in the Socialist Republic of Vietnam and a member of the Vietnam Stock Exchanges. Information and opinions contained herein have been compiled in good faith and from sources believed to be reliable, but such information has not been independently verified and MAS makes no guarantee, representation or warranty, express or implied, as to the fairness, accuracy, completeness or correctness of the information and opinions contained herein or of any translation into English from the Vietnamese language. In case of an English translation of a report prepared in the Vietnamese language, the original Vietnamese language report may have been made available to investors in advance of this report.

The intended recipients of this report are sophisticated institutional investors who have substantial knowledge of the local business environment, its common practices, laws and accounting principles and no person whose receipt or use of this report would violate any laws and regulations or subject MAS and its affiliates to registration or licensing requirements in any jurisdiction shall receive or make any use hereof.

This report is for general information purposes only and it is not and shall not be construed as an offer or a solicitation of an offer to effect transactions in any securities or other financial instruments. The report does not constitute investment advice to any person and such person shall not be treated as a client of MAS by virtue of receiving this report. This report does not take into account the particular investment objectives, financial situations, or needs of individual clients. The report is not to be relied upon in substitution for the exercise of independent judgment. Information and opinions contained herein are as of the date hereof and are subject to change without notice. The price and value of the investments referred to in this report and the income from them may depreciate or appreciate, and investors may incur losses on investments. Past performance is not a guide to future performance. Future returns are not guaranteed, and a loss of original capital may occur. MAS, its affiliates and their directors, officers, employees and agents do not accept any liability for any loss arising out of the use hereof.

MAS may have issued other reports that are inconsistent with, and reach different conclusions from, the opinions presented in this report. The reports may reflect different assumptions, views and analytical methods of the analysts who prepared them. MAS may make investment decisions that are inconsistent with the opinions and views expressed in this research report. MAS, its affiliates and their directors, officers, employees and agents may have long or short positions in any of the subject securities at any time and may make a purchase or sale, or offer to make a purchase or sale, of any such securities or other financial instruments from time to time in the open market or otherwise, in each case either as principals or agents. MAS and its affiliates may have had, or may be expecting to enter into, business relationships with the subject companies to provide investment banking, market-making or other financial services as are permitted under applicable laws and regulations.

No part of this document may be copied or reproduced in any manner or form or redistributed or published, in whole or in part, without the prior written consent of MAS.